

**Swimming Official Training Course 2023 (B)
Practical Session Roster**

S/N	Name	Chinese Name	Club	VPSP					KPSP				
				18/8 PM	19/8 AM	19/8 PM	20/8 AM	20/8 PM	6/10 PM	7/10 AM	7/10 PM	8/10 AM	8/10 PM
				1715	0815	1445	0815	1445	1715	0815	1315	0815	1315
1	Lee Wing Yan	李詠恩	JHC	✓	✓	✓	✓	✓					
2	Cheung Wai Yee	張惠儀	JHC	✓	✓	✓	✓	✓					
3	Mak Wing Wah	麥榮華	-		✓	✓			✓	✓	✓		
4	Kong Wai Ki	江蕙岐	-	✓	✓	✓	✓	✓					
5	Wong Shuk Kuen Ada	黃淑娟	KHC	✓	✓	✓	✓	✓					
6	Wang Zhirong	王志榮	HTA						✓	✓	✓	✓	✓
7	Tam Chi Sun Ivan	譚梓燊	HTA	✓	✓	✓	✓	✓					
8	Choy Suet Lun Sharron	蔡雪倫	-	✓	✓	✓	✓	✓					
9	Wong Po Yi	黃寶儀	-	✓	✓	✓	✓	✓					
10	Chau Pang Kei	周鵬基	-	✓	✓	✓	✓	✓					
12	Lai Tsz Yin	黎子彥	-	✓			✓	✓				✓	✓
13	Lee Jack Sze Chit	李思捷	-	✓	✓	✓	✓	✓					
14	Lee Mei Ling	李美玲	-						✓	✓	✓	✓	✓
15	Ng Tsz Chung Heman	吳子聰	HTA	✓	✓	✓	✓	✓					
16	Tong Yan Lok	唐殷樂	KTS			✓		✓			✓	✓	✓
17	Ng Wai Kit	伍偉傑	-	✓	✓	✓	✓	✓					
18	Wong Ka Yeung	黃迦暘	THS		✓	✓	✓	✓	✓				
19	Chan Kui Yee Elsa Joan	陳居儀	#GD	✓	✓	✓	✓	✓					
20	Cheng Muk Kan	鄭木根	CUC	✓	✓	✓	✓	✓					
21	Yip Tin Long	葉天朗	DWA	✓	✓	✓	✓	✓					
22	Tang Nga Chi	鄧雅芝	JHC	✓	✓	✓	✓	✓					
23	Wong Yin Ling	黃彥菱	PSC	✓	✓	✓	✓	✓					
24	Fok Siu Cheung	霍兆昌	-	✓	✓	✓	✓	✓					
25	Fok Siu Kei	霍兆琪	-	✓	✓	✓	✓	✓					
26	Loo Chun Hei	盧晉希	-	✓	✓	✓	✓	✓					
27	Chan Kwun Fong	陳冠仿	*TM	✓	✓	✓	✓	✓					
28	Tam Hiu Tsz	譚曉詩	-						✓	✓	✓	✓	✓
29	Zhuo Enqi	卓恩琦	*TM	✓	✓	✓	✓	✓					
30	Lam Wing Ching	林詠澄	DLS						✓	✓	✓	✓	✓

**Swimming Official Training Course 2023 (B)
Practical Session Roster**

S/N	Name	Chinese Name	Club	VPSP					KPSP					
				18/8 PM	19/8 AM	19/8 PM	20/8 AM	20/8 PM	6/10 PM	7/10 AM	7/10 PM	8/10 AM	8/10 PM	
				1715	0815	1445	0815	1445	1715	0815	1315	0815	1315	
31	Yip Natalie	葉衍欣	DLS							✓	✓	✓	✓	✓
32	Chow Man Ho Kevin	周文灝	KHC							✓	✓	✓	✓	✓
33	Li Jamie	李芷清	KHC							✓	✓	✓	✓	✓
34	Wong Lo Fung	黃鷺蓬	CPS		✓	✓	✓	✓		✓				
35	Chow Huen Wei Cathy	周萱慧	-				✓	✓		✓	✓	✓		
37	Shum Leong Tung Miracle	岑亮瞳	-	✓	✓	✓	✓	✓						
38	Cheng Yuan, Andrew	鄭源	-	✓	✓	✓	✓	✓						
39	Hung Tin Wai Robert	洪天衛	PSC							✓	✓	✓	✓	✓
40	Ma Kai Yeung	馬啟揚	PSC							✓	✓	✓	✓	✓
41	Chu Hor Ting	朱可婷	-	✓	✓	✓	✓	✓						
42	Cheng Sik Ki	鄭錫祺	HVA							✓	✓	✓	✓	✓
43	Chu Tsz Wai	朱芷蕙	DLS							✓	✓	✓	✓	✓
44	Ng Yan Yi	吳欣兒	DLS							✓	✓	✓	✓	✓
45	Tong Sin Yin	湯倩嫻	-							✓	✓	✓	✓	✓
46	Chan Yin Wing	陳妍穎	-	✓	✓	✓	✓	✓						
47	Leung Man Ki Jan	梁敏琪	PSC	✓	✓	✓	✓	✓						
48	Kwok Sin Yi	郭倩怡	*TM							✓	✓	✓	✓	✓
49	Kan Ka Yi	簡嘉怡	-	✓	✓	✓	✓	✓						
50	Fu Yip Tung	符業東	KTS							✓	✓	✓	✓	✓
51	Kuai Wen	蒯文	KTS							✓	✓	✓	✓	✓
52	Chung Wan Lam Vivian	鍾韻琳	-	✓							✓	✓	✓	✓
53	Chung Wan Ying Wannie	鍾韻盈	-	✓							✓	✓	✓	✓
54	Lam Chi Wai	林志偉	-							✓	✓	✓	✓	✓
55	Chan Tsz Hung	陳梓鴻	KTS							✓	✓	✓	✓	✓
56	Chan Lok Yiu	陳洛瑤	KCD							✓	✓	✓	✓	✓
57	Wong Kwan Yee Queenie	王君儀	*TM							✓	✓	✓	✓	✓